

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng, ông Nguyễn Tất Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về “Tranh chấp Hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh: [Phạm Quang T](#), sinh năm: 1994. Địa chỉ: [Thôn X, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị: [Trần Thị Như T1](#), sinh năm: 1994. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: [Thôn X, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Hiện đang lao động tự do tại [CHLB Đ](#). (Có ý kiến xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn [Phạm Quang T](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh [Phạm Quang T](#) và chị [Trần Thị Như T1](#) có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/8/2015 tại [UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#), trên cơ sở tự do tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên chị [T1](#) bỏ đi làm ăn tại Cộng hòa liên bang [Đ](#). Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh [Phạm Quang T](#) khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Trần Thị Như T1](#).

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên là [Phạm Anh Q](#), sinh ngày 06/01/2016. Hiện nay con đang sống cùng với anh [Phạm Quang T](#) và anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh [Phạm Quang T](#) không yêu cầu chị [Trần Thị Như T1](#) phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu [Phạm Anh Q](#) có trình bày nguyện vọng được sống cùng với bố.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh [Phạm Quang T](#) có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do công việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời chị [Trần Thị Lê T2](#) (chị gái chị [Trần Thị Như T1](#)), tại buổi làm việc chị [T2](#) đã kết nối cuộc gọi hình ảnh thông qua facebook chị [T1](#) “NhuTrang”, chị [T1](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị [T1](#) thống nhất về nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của anh [Phạm Quang T](#) về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh [T](#) có đơn khởi kiện ly hôn thì chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên là [Phạm Anh Q](#), sinh ngày 06/01/2016. Hiện nay, chị [T1](#) đang ở nước ngoài nên chị đồng ý với nguyện vọng của anh [T](#) về việc giao con chung [Phạm Anh Q](#) cho anh [T](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị [Trần Thị Như T1](#) đang sống và làm việc tự do tại Cộng hòa liên bang [Đ](#) nên không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, chị xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Để có đầy đủ căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam đăng thông tin cho chị [T1](#). Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng thông tin cho chị [Trần Thị Như T1](#) trong 3 ngày liên tiếp từ ngày 12,13,14/12/2024 nhưng chị [Trần Thị Như T1](#) không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: Anh [Phạm Quang T](#) được ly hôn với chị [Trần Thị Như T1](#).

- Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là [Phạm Anh Q](#), sinh ngày 06/01/2016 cho anh [Phạm Quang T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị [Trần Thị Như T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh [Phạm Quang T](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh [Phạm Quang T](#) và chị [Trần Thị Như T1](#) có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/8/2015 tại [UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#), trên cơ sở tự do tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên chị [T1](#) bỏ đi làm ăn tại Cộng hòa liên bang [Đ](#). Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh [Phạm Quang T](#) khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Trần Thị Như T1](#).

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: anh [Phạm Quang T](#) hiện trú tại [thôn X, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#), vì lý do công việc nên anh có ý kiến vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Chị [Trần Thị Như T1](#) hiện đang sống và lao động tự do tại Cộng hòa liên bang [Đ](#). Tại công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 1088/QLXNC-Đ1, ngày 25/10/2024 của [Phòng Q1 - Công an tỉnh H](#), xác nhận chị [Trần Thị Như T1](#), sinh ngày 21/9/2024. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: [xã K, huyện K, Hà Tĩnh](#), số hộ chiếu: C9575035 cấp ngày 25/02/2021 đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 24/7/2022 tại [sân bay quốc tế T](#), hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Chị [Trần Thị Như T1](#) đang lao động tự do tại [Cộng hòa liên bang Đ1](#) không có địa chỉ cụ thể, thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh [Phạm Quang T](#) và chị [Trần Thị Như T1](#) có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/8/2015 tại [UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh [T](#), chị [T1](#) là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể

dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh [T](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị [Trần Thị Như T1](#).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời chị [Trần Thị Lê T2](#) (chị gái chị [Trần Thị Như T1](#)), tại buổi làm việc chị [T2](#) đã kết nối cuộc gọi hình ảnh thông qua facebook chị [T1](#) “NhuTrang”, chị [T1](#) trình bày: Về quan hệ hôn nhân: chị [T1](#) thống nhất về nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của anh [Phạm Quang T](#) về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh [T](#) có đơn khởi kiện ly hôn thì chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh [Phạm Quang T](#) được ly hôn với chị [Trần Thị Như T1](#).

[2.2] *Về con chung:* Giao con chung của vợ chồng là [Phạm Anh Q](#), sinh ngày 06/01/2016 cho anh [Phạm Quang T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị [Trần Thị Như T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* nguyên đơn anh [Phạm Quang T](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh [Phạm Quang T](#) được ly hôn với chị [Trần Thị Như T1](#).

2. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là [Phạm Anh Q](#), sinh ngày 06/01/2016 cho anh [Phạm Quang T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị [Trần Thị Như T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh [Phạm Quang T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000130 ngày 21/10/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc anh [Phạm Quang T](#) phải chịu 2.250.000đ tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Anh [Phạm Quang T](#) đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Tân;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Sỹ Quân

Trần Đăng Ninh

Nguyễn Hà Ngân